



Biểu số 60/CK-NSNN

**PHỤ LỤC 3: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Công văn số **2493**/UBND-KT ngày **26** tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	364.893.000	198.582.454	54,42	120,71
I	Thu nội địa	248.343.000	131.558.735	52,97	119,75
1	Thu từ khu vực DNNN	27.024.000	11.744.741	43,46	109,87
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	64.083.000	33.916.570	52,93	116,43
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	67.714.000	39.402.727	58,19	142,73
4	Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000	24.786.611	61,97	108,58
5	Thuế bảo vệ môi trường	11.500.000	5.112.988	44,46	99,15
6	Lệ phí trước bạ	5.800.000	3.281.152	56,57	130,46
7	Các loại phí, lệ phí	4.926.000	2.453.315	49,80	105,02
8	Các khoản thu về nhà, đất	16.400.000	6.260.747	38,18	122,47
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	173.994	58,00	103,59
-	Thu tiền sử dụng đất	11.000.000	4.398.981	39,99	131,68
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.800.000	1.663.873	34,66	118,61
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	300.000	23.899	7,97	11,92
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.977.000	940.084	23,64	63,76
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.572.000	2.136.987	59,83	120,25
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.347.000	1.522.813	45,50	123,54
II	Thu từ dầu thô	8.550.000	6.807.139	79,62	106,76
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	108.000.000	60.200.000	55,74	124,76
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	34.600.000	41.380.951	119,60	124,43
2	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	73.400.000	18.473.941	25,17	125,86

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
3	Thu khác		345.108		108,68
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp		16.580		58,22
B	THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	91.560.859	38.111.044	41,62	105,56
1	Thu NSDP theo phân cấp:	75.487.960	33.860.115	44,85	117,51
	- Từ các khoản thu phân chia	40.377.960	19.454.095	48,18	120,45
	- Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	35.110.000	14.406.020	41,03	113,75
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		3.462.594		98,21
3	Thu viện trợ				
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	749.190	8,62	20,07
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
6	Các khoản huy động, đóng góp		16.580		58,22
7	Thu kết dư ngân sách		22.565		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ